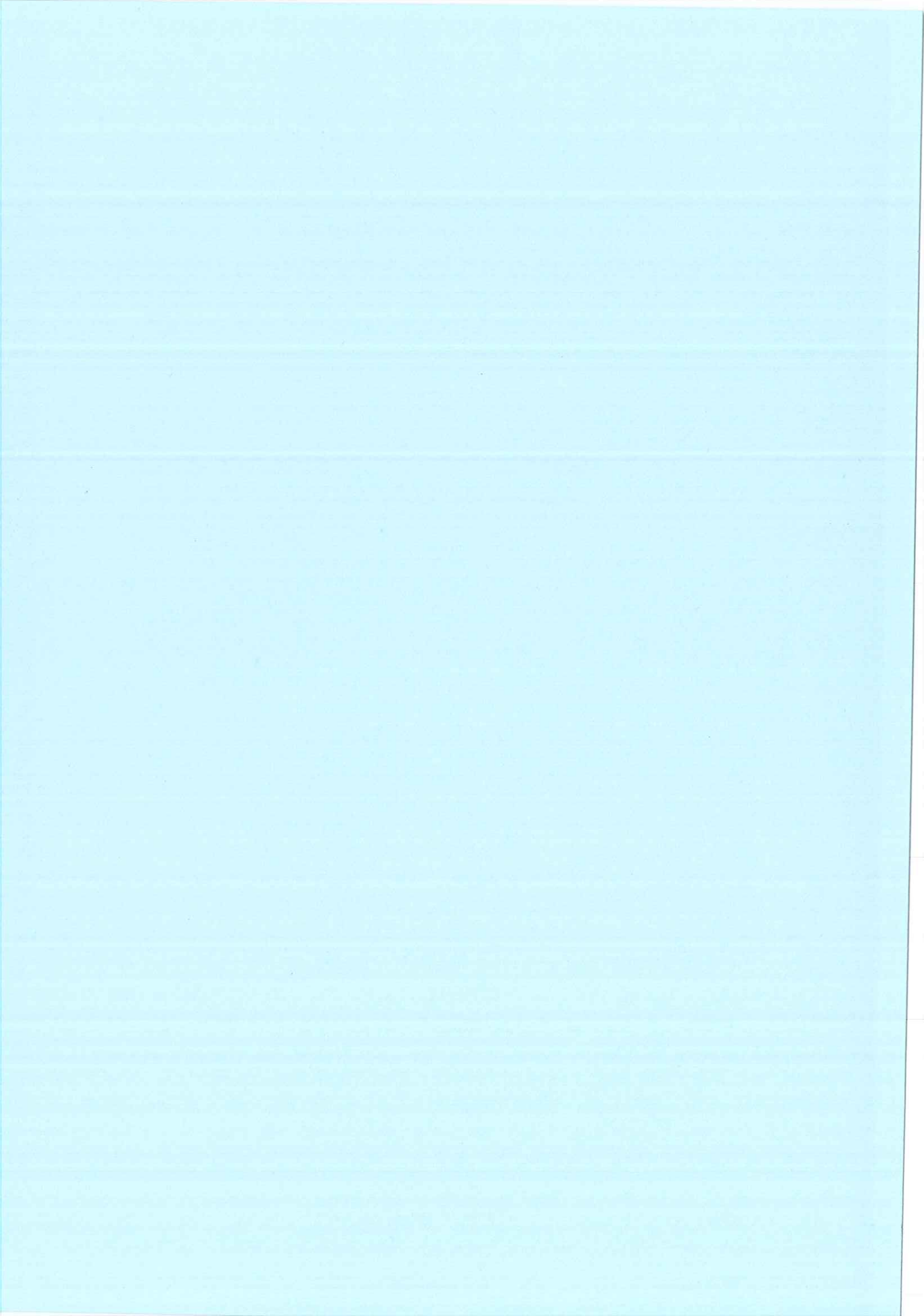


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ  
*Địa chỉ: số 12 Tân Trào – Phường Tân Phú – Quận 7 – TPHCM*  
๓๖๖๖๖๓

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

THÁNG 04 NĂM 2018



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/18	01/01/18
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>988,393,209,273</b>	<b>825,514,619,611</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>273,600,466,423</b>	<b>88,253,605,132</b>
1. Tiền	111		93,600,466,423	67,317,949,669
2. Các khoản tương đương tiền	112		180,000,000,000	20,935,655,463
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>516,364,798,303</b>	<b>532,072,147,716</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		177,224,560,320	202,255,334,451
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		45,799,748,445	35,022,196,583
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.2</b>	294,861,589,538	298,252,474,747
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1,521,100,000)	(3,457,858,065)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.3</b>	<b>187,991,666,590</b>	<b>195,783,433,412</b>
1. Hàng tồn kho	141		187,991,666,590	195,783,433,412
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10,436,277,957</b>	<b>9,405,433,351</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.4</b>	1,463,793,855	342,580,648
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,705,985,747	1,609,287,036
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	<b>V.5</b>	7,266,498,355	7,453,565,667
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>324,657,062,297</b>	<b>629,046,181,746</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>87,633,366,479</b>	<b>147,452,574,918</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		85,858,228,479	85,858,228,479
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	213,914,700
3. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.2</b>	1,775,138,000	61,380,431,739
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>117,000,634,208</b>	<b>117,724,776,183</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.6</b>	101,650,993,798	102,281,711,303
- Nguyên giá	222		119,814,670,771	120,798,006,954
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18,163,676,973)	(18,516,295,651)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.7</b>	15,349,640,410	15,443,064,880
- Nguyên giá	228		17,687,600,782	17,719,840,782
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,337,960,372)	(2,276,775,902)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.9</b>	<b>66,511,771,771</b>	<b>66,932,261,172</b>
- Nguyên giá	231		73,912,587,343	73,912,587,343
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7,400,815,572)	(6,980,326,171)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.8</b>	<b>15,166,716,311</b>	<b>256,907,580,602</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		15,166,716,311	256,907,580,602
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>36,000,000,000</b>	<b>36,000,000,000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		36,000,000,000	36,000,000,000
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,344,573,528</b>	<b>4,028,988,871</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,344,573,528	4,028,988,871
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,313,050,271,569</b>	<b>1,454,560,801,357</b>

*Yu*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/18	01/01/18
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>451,034,049,843</b>	<b>510,292,148,110</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>412,319,524,089</b>	<b>471,459,486,735</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		26,304,949,087	47,928,563,222
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13,145,553,559	985,314,012
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	7,672,526,041	7,922,644,418
4. Phải trả người lao động	314		484,581,724	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		161,200,343,048	175,311,139,129
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		570,974,644	570,974,644
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	202,940,595,986	238,740,851,310
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>38,714,525,754</b>	<b>38,832,661,375</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		19,463,161,662	19,605,905,323
3. Phải trả dài hạn khác	337		19,251,364,092	19,226,756,052
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	-	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.15</b>	<b>862,016,221,727</b>	<b>944,268,653,247</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>842,358,946,075</b>	<b>810,179,146,067</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(7,866,485,920)	(7,866,485,920)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		23,458,924,626	23,458,924,626
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(173,233,492,632)	(205,413,292,639)
-LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(205,413,292,639)	(142,586,360,612)
-LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32,179,800,008	(62,826,932,027)
<b>II. Lợi ích cổ đông không kiểm soát</b>	<b>429</b>		<b>19,657,275,652</b>	<b>134,089,507,180</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,313,050,271,569</b>	<b>1,454,560,801,357</b>

Người lập biểu/Q. Kế toán trưởng



Đinh Thị Mỹ Linh

TP.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2018

Giám Đốc



Bùi Minh Chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Quý 1 Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	T/mình	Quý 1-2018	Quý 1-2017	Lũy kế 2018	Lũy kế 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	17,809,112,521	8,797,173,089	17,809,112,521	8,797,173,089
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.3	17,809,112,521	8,797,173,089	17,809,112,521	8,797,173,089
4. Giá vốn hàng bán	VI.4	(16,649,715,232)	(6,483,991,482)	(16,649,715,232)	(6,483,991,482)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.5	1,159,397,290	2,313,181,607	1,159,397,290	2,313,181,607
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.6	38,093,590,635	80,312,184	38,093,590,635	80,312,184
7. Chi phí tài chính		(1,077,095,014)	(6,343,006,769)	(1,077,095,014)	(6,343,006,769)
- Trong đó: Chi phí lãi vay		(1,077,095,014)	(6,343,006,769)	(1,077,095,014)	(6,343,006,769)
8. Chi phí bán hàng		(206,939,472)	(6,067,997,446)	(206,939,472)	(6,067,997,446)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(6,698,832,875)	(6,067,997,446)	(6,698,832,875)	(6,067,997,446)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		31,270,120,564	(10,017,510,424)	31,270,120,564	(10,017,510,424)
11. Thu nhập khác	VI.7	1,179,142,913	1,912,041,387	1,179,142,913	1,912,041,387
12. Chi phí khác	VI.8	(268,772,160)	(2,767,096,209)	(268,772,160)	(2,767,096,209)
13. Lợi nhuận khác		910,370,753	(855,054,822)	910,370,753	(855,054,822)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32,180,491,317	(10,872,565,246)	32,180,491,317	(10,872,565,246)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		32,180,491,317	(10,872,565,246)	32,180,491,317	(10,872,565,246)
Phân bổ cho:					
- Cổ đông không kiểm soát		691,309	(199,793,493)	691,309	(199,793,493)
- Cổ đông của Công ty mẹ		32,179,800,008	(10,672,771,753)	32,179,800,008	(10,672,771,753)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		325	(108)	325	(108)

Người lập biểu/Q. Kế toán trưởng

  
Đinh Thị Mỹ Linh



**BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý 1 Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế 2018	Lũy kế 2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32,180,491,317	(10,872,565,246)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	129,055,193	1,173,814,451
- Các khoản dự phòng	03	(1,936,758,065)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(38,093,590,635)	(80,312,184)
- Chi phí lãi vay	06	1,077,095,014	6,343,006,769
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(6,643,707,177)	(3,436,056,210)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	77,553,684,518	(97,134,893,410)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7,791,766,822	(542,516,950)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(79,606,129,127)	107,501,229,768
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	563,202,136	513,199,442
- Tiền lãi vay đã trả	13	(12,753,580,470)	(6,409,722)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(13,094,763,298)</b>	<b>6,894,552,918</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(621,571,291)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	205,000,000	
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(800,000,000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	198,051,582,889	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	185,041,699	80,312,184
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>198,441,624,588</b>	<b>(1,341,259,107)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(300,000,000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1,900,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>-</b>	<b>(301,900,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>185,346,861,291</b>	<b>5,251,393,811</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	88,253,605,132	23,868,295,144
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>273,600,466,423</b>	<b>29,119,688,955</b>

Người lập biểu/Q. Kế toán trưởng



Đinh Thị Mỹ Linh

TP.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2018



Bùi Minh Chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Ban Quản Lý Dự án các công trình xây dựng Phía Nam theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24/05/2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31/08/2007 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008269 ngày 29 tháng 10 năm 2007, và các giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty con được hợp nhất:

Tên	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	Kinh doanh Bất động sản	175.000.000.000	89,90%	90,16%

**2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, Thương mại và Dịch vụ.**

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư, tư vấn giám sát;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư, thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Dịch vụ quản lý và khai thác bất động sản.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

N:030  
CỔ  
CỔ  
DẦU TƯ  
VÀ  
ĐÀ  
V.P.T.K

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và công ty con. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### 2. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 3 năm.

Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc kỳ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, và vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	06-25 năm
Phương tiện vận tải	04-08 năm
Thiết bị văn phòng	03-05 năm
Phần mềm vi tính	03 năm

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

528  
NG  
PH  
SH  
ĐỒ  
U K  
PH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ, hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Công cụ dụng cụ và thiết bị quản lý xuất dùng có giá trị lớn được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được CP phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu và giá vốn kinh doanh bất động sản được ghi nhận theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”. Theo đó doanh thu và giá vốn kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao cho người mua.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**15. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**16. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/03/18 VND	01/01/18 VND
Tiền mặt	386,293,970	269,264,517
Tiền gửi ngân hàng	93,214,172,453	67,048,685,152
Các khoản tương đương tiền (*)	180,000,000,000	20,935,655,463
<b>Cộng</b>	<b>273,600,466,423</b>	<b>88,253,605,132</b>
2. Phải thu khác	31/03/18 VND	01/01/18 VND
Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh (*)	61,331,801,667	61,331,801,667
Phải thu tiền lãi phạt do chậm tiến độ, chậm thanh toán và thanh lý hợp đồng, trong đó:	73,184,128,464	73,184,128,464
<i>Công ty CP Năng lượng VINABENNY</i>	<i>165,872,080</i>	<i>165,872,080</i>
<i>Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí</i>	<i>12,143,630,213</i>	<i>12,143,630,213</i>
<i>Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn</i>	<i>52,829,154,706</i>	<i>52,829,154,706</i>
<i>Công ty CP Xây Lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí</i>	<i>8,045,471,465</i>	<i>8,045,471,465</i>
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn		57,384,457,601
Công ty CP Đầu tư Dầu khí Thăng Long	147,494,400,000	147,494,400,000
Các đối tượng khác	14,626,397,407	20,238,118,754
<b>Cộng</b>	<b>296,636,727,538</b>	<b>359,632,906,486</b>

(\*): Là tiền góp vốn hộ cho Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh vào công ty con Thăng Long và tiền cho ứng để thực hiện dự án Khu nhà ở cao tầng và công trình công cộng tại P.Phước Long B, Q.9, TP.HCM..

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho	31/03/18 VND	01/01/18 VND
*Công cụ, dụng cụ	247,158,023	142,612,568
*Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	134,825,512,063	135,068,574,340
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chung cư Mỹ Phú</i>	133,279,920,942	133,527,933,219
<i>Các công trình tư vấn quản lý dự án</i>	1,545,591,121	1,540,641,121
Thành phẩm		
*Hàng hóa	52,918,996,504	60,572,246,504
<i>Dự phòng</i>	-	-
<b>Cộng hàng tồn kho</b>	<b>187,991,666,590</b>	<b>195,783,433,412</b>
4. Chi phí trả trước	31/03/18 VND	01/01/18 VND
Chi phí trả trước	3,808,367,383	4,371,569,519
<b>Cộng</b>	<b>3,808,367,383</b>	<b>4,371,569,519</b>
5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	31/03/18 VND	01/01/18 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	7,157,964,145	7,261,893,295
Thuế thu nhập cá nhân	105,534,210	191,672,372
Các khoản khác phải thu nhà nước	3,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>7,266,498,355</b>	<b>7,453,565,667</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>				<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm	115,919,685,016	3,212,166,356	1,666,155,582	120,798,006,954
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
- <i>Mua sắm mới</i>				
- <i>Tăng khác</i>				
Số giảm trong kỳ	-	342,437,404	640,898,779	983,336,183
- <i>Giảm khác</i>		342,437,404	640,898,779	983,336,183
Số dư cuối kỳ	115,919,685,016	2,869,728,952	1,025,256,803	119,814,670,771
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	13,862,054,811	3,212,166,356	1,442,074,484	18,516,295,651
Số tăng trong kỳ	617,408,531	-	13,308,974	630,717,505
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	617,408,531		13,308,974	630,717,505
- <i>Tăng khác</i>				
Số giảm trong kỳ	-	342,437,404	640,898,779	983,336,183
- <i>Giảm khác</i>		342,437,404	640,898,779	983,336,183
Số dư cuối kỳ	14,479,463,342	2,869,728,952	814,484,679	18,163,676,973
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	102,057,630,205		224,081,098	102,281,711,303
Tại ngày cuối kỳ	101,440,221,674	-	210,772,124	101,650,993,798

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

3,608,992,254

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	17,277,352,782	442,488,000	17,719,840,782
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	32,240,000	32,240,000
Số dư cuối kỳ	17,277,352,782	410,248,000	17,687,600,782
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1,834,287,902	442,488,000	2,276,775,902
Tăng trong kỳ	93,424,470	-	93,424,470
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	93,424,470		93,424,470
Số giảm trong kỳ		32,240,000	32,240,000
Số dư cuối kỳ	1,927,712,372	410,248,000	2,337,960,372
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	15,443,064,880	-	15,443,064,880
Tại ngày cuối kỳ	15,349,640,410	-	15,349,640,410

**8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

31/03/18  
VND

01/01/18  
VND

- Dự án Khu Đô thị mới Vũng Tàu	15,166,716,311	15,166,716,311
- Dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Cam Ranh		241,740,864,291
<b>Cộng</b>	<b>15,166,716,311</b>	<b>256,907,580,602</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**9 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa và vật	Quyền sử dụng	Đơn vị tính: VND
	kiến trúc	đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	60,209,447,067	13,703,140,276	73,912,587,343
Số tăng trong kỳ			-
Số giảm trong kỳ			-
Số dư cuối kỳ	60,209,447,067	13,703,140,276	73,912,587,343
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	6,561,877,049	418,449,122	6,980,326,171
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	373,423,779	47,065,622	420,489,401
Số dư cuối kỳ	6,935,300,828	465,514,744	7,400,815,572
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	53,647,570,018	13,284,691,154	66,932,261,172
Tại ngày cuối kỳ	53,274,146,239	13,237,625,532	66,511,771,771

**10 Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/03/18	01/01/18
	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	36,000,000,000	36,000,000,000
- Dự án nhà ở TM Tương Bình Hiệp	36,000,000,000	36,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>36,000,000,000</b>	<b>36,000,000,000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/03/18	01/01/18
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1,343,729,126	1,588,560,250
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,328,796,915	6,328,796,915
Thuế thu nhập cá nhân		5,287,253
<b>Cộng</b>	<b>7,672,526,041</b>	<b>7,922,644,418</b>

12 Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/03/18	01/01/18
	VND	VND
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về cổ phần hoá	10,850,000,327	10,850,000,327
TCT CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)(*)		30,617,999,227
Quỹ bảo trì DA Phú Mỹ Hưng (Q.7)	7,355,392,637	11,959,164,933
Quỹ bảo trì DA Petroland (Q.2)	3,360,794,832	3,360,794,832
Quỹ bảo trì DA Mỹ Phú (Q.7)	7,510,607,387	7,510,607,387
Cục Thuế TPHCM	7,686,407,167	7,686,407,167
Cổ tức phải trả	2,287,437,630	2,287,437,630
Công ty TNHH BV Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	158,268,480,000	158,268,480,000
Phải trả khác	24,872,840,098	25,426,715,859
<b>Cộng</b>	<b>222,191,960,078</b>	<b>257,967,607,362</b>

(\*): Là số dư nợ gốc phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ("PVC") thể hiện khoản vay của PVC thông qua nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (OceanBank) nhận thanh toán để chuyển nhượng cho Công ty 5.635.000 cổ phần (trị giá 60.587.520.000 đồng) từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nhà Trảng. Đơn vị đã trả hết nợ gốc vào thời điểm 31/03/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**15 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ			
	phát triển	phát triển			
	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
	Tổng				
Số dư đầu năm nay	1,000,000,000,000	(7,866,485,920)	23,458,924,626	(205,413,292,639)	810,179,146,067
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	32,179,800,008	32,179,800,008
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,000,000,000,000	(7,866,485,920)	23,458,924,626	(173,233,492,632)	842,358,946,075

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/03/18		01/01/18	
	VND	TL %	VND	TL %
- <b>Vốn góp cổ phần</b>				
TCT CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	360,146,300,000	36.01%	360,146,300,000	36.01%
NH. TMCP Đại Chúng Việt Nam	55,000,000	0.01%	55,000,000	0.01%
TCT Dầu khí Việt Nam	90,000,000,000	9.00%	90,000,000,000	9.00%
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam		0.00%	57,054,000,000	5.71%
Công ty CP ĐT Tài chính Công đoàn Dầu khí	4,388,000,000	0.46%	4,388,000,000	0.44%
Công ty CP Dầu khí Đông Đô	23,482,000,000	2.35%	23,482,000,000	2.35%
Cổ đông Định Việt Thanh	134,279,600,000	11.92%	-	0.00%
Các đối tượng khác	387,649,100,000	40.25%	464,874,700,000	46.49%
<b>Cộng</b>	<b>1,000,000,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>1,000,000,000,000</b>	<b>100%</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	31/03/18	01/01/18
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/03/18	01/01/18
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100,000,000	100,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100,000,000	100,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100,000,000	100,000,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1,134,920	1,134,920
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1,134,920	1,134,920
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	98,865,080	98,865,080
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	98,865,080	98,865,080

\* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng / cổ phiếu*

**e) Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

Lợi ích của công đồng thiểu số được xác định như sau:

	Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông thiểu số
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	136,438,000,000	(2,348,492,820)	134,089,507,180
Tăng trong kỳ		691,309	691,309
Giảm trong kỳ	(119,275,000,000)	4,842,077,163	(114,432,922,837)
<b>Tại ngày 31/03/2017</b>	17,163,000,000	2,494,275,652	19,657,275,652

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO

	Quý 1 năm-2018 VND	Quý 1 năm-2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17,809,112,521	8,797,173,089
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	7,931,550,000	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9,877,562,521	8,797,173,089
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Hàng bán bị trả lại		
3. Doanh thu thuần về bán	17,809,112,521	8,797,173,089
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bất đ	7,931,550,000	-
Doanh thu thuần dịch vụ	9,877,562,521	8,797,173,089
4. Giá vốn hàng bán	Quý 1 năm-2018	Quý 1 năm-2017
	VND	VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	7,653,250,000	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8,996,465,232	6,483,991,482
Cộng	<u>16,649,715,232</u>	<u>6,483,991,482</u>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 1 năm-2018	Quý 1 năm-2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	156,110,192	80,312,184
Lãi từ bán cổ phần INT	37,937,480,443	
Cộng	<u>38,093,590,635</u>	<u>80,312,184</u>
6. Chi phí tài chính	Quý 1 năm-2018	Quý 1 năm-2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1,077,095,014	6,343,006,769
Cộng	<u>1,077,095,014</u>	<u>6,343,006,769</u>

7. Thu nhập khác	Quý 1 năm-2018 VND	Quý 1 năm-2017 VND
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	974,142,913	23,300,000
Các khoản thu nhập khác	205,000,000	1,888,741,387
<b>Cộng</b>	<b>1,179,142,913</b>	<b>1,912,041,387</b>

8. Chi phí khác	Quý 1 năm-2018 VND	Quý 1 năm-2017 VND
Chi phí khác	268,772,160	2,767,096,209
<b>Cộng</b>	<b>268,772,160</b>	<b>2,767,096,209</b>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập Trong kỳ, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty lãi nhưng do Công ty chuyển lỗ của các năm trước nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị phải trả
TCT CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	Bên liên quan	Lãi vay phải trả	982,210,871

**2. Công cụ tài chính**

a/ Các loại công cụ tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/03/18 VND	01/01/18 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương tiền	273,600,466,423	88,253,605,132
Phải thu khách hàng và phải thu khác	557,944,378,337	647,746,469,416
Các khoản ký quỹ, ký cược	56,200,000	56,200,000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	36,000,000,000	36,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>867,601,044,760</b>	<b>772,056,274,548</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	229,245,545,073	304,465,007,460
Chi phí phải trả	161,200,343,048	175,311,139,129
Các khoản vay	0	0
Nhận ký quỹ, ký cược	1,551,163,124	1,431,163,124
<b>Cộng</b>	<b>391,997,051,245</b>	<b>481,207,309,713</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành của chế độ kế toán Việt Nam chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### b/ Quản lý Rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### **Rủi ro thị trường**

##### *Rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết với các ngân hàng. Rủi ro này sẽ được công ty quản bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

##### *Rủi ro về thị giá*

Công ty chịu rủi ro về thị giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh thương mại mà cho mục đích chiến lược lâu dài.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

##### *Phải thu khách hàng*

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức độ có thể được kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn của công ty.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận so với quý 1 năm 2017**

Thực hiện thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty xin giải trình kết quả kinh doanh quý 1 năm 2018 như sau:

Kết quả kinh doanh quý 1 năm 2018 lãi do Công ty thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang

Người lập biểu/Q. Kế toán trưởng

Giám Đốc



**Đinh Thị Mỹ Linh**



**Bùi Minh Chính**

TP.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2018

